TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH NGHỆ AN ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2021/ST-HNGĐ
Ngày 29 tháng 01 năm 2021
" V/v Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân và ông Nguyễn Tất Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2020/TLST – HNGĐ ngày 14/10/2020 về việc: "Yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 15/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị S – Sinh năm: 1979

Nơi cư trú: Thôn 05, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Việt H – Sinh năm: 1972

Nơi cư trú: Số 5, hẻm 5, tổ 8 – Tân Thành, xã V, Thành phố N, tỉnh Khánh Hòa – Vắng mặt (Có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị S vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2020 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị S trình bày:

Chị Phạm Thị S kết hôn với anh Lê Việt H vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An trên tinh thần tự nguyện. Tuy nhiên, đến năm 2000 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách thay đổi ngày càng không hợp nhau nên thường xảy ra cãi cọ, không có tiếng nói chung. Vì vậy, vợ

chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2000 cho đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Lê Thị Cẩm N sinh năm 1994 và Lê Thị Xuân L sinh năm 1996. Hiện nay các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại phiên toà, anh Lê Việt H vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Việt H trình bày:

Về tài liệu chứng cứ: Anh H không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ do chị S cung cấp cho Tòa án. Anh H không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì và cũng không yêu cầu đưa người nào khác vào tham gia giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Việt H kết hôn với chị Phạm Thị S vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xẩy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Đến năm 1999 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh H vào thành phố N sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm nhau. Nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, nay chị S làm đơn khởi kiện xin ly hôn thì anh H đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Lê Thị Cẩm N sinh năm 1994 và Lê Thị Xuân L sinh năm 1996. Hiện nay các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh H đồng ý TAND huyện A, tỉnh Nghệ An giải quyết vụ án.

Vì hoàn cảnh ở xa nên anh H đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt anh Hùng.

- Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đề nghị giải quyết vắng mặt nên HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là có căn cứ. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Phạm Thị S được ly hôn với anh Lê Việt H.

Về con chung: Các con đã trưởng thành

Về án phí: Chị Phạm Thị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luât.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Việt H là bị đơn trong vụ án, cư trú tại xã V, Thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, theo quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án thì Tòa án nơi bị đơn cư trú giải quyết vụ án. Tuy nhiên, anh H và chị S đã có văn bản thỏa thuận thống nhất yêu cầu TAND huyện A, tỉnh Nghệ An giải quyết vụ án. Nên TAND huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án theo điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Phạm Thị S và anh Lê Việt H kết hôn với nhau vào năm 1993 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, chị S và anh H chung sống hạnh phúc với nhau và sinh được 2 con. Đến khoảng năm 1999 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống.Vì vậy, thường xuyên phát sinh mẫu thuẫn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2000 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân chị S và anh H không liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau, hiện tại đã hết tình cảm với nhau nên chị S đã làm đơn yêu cầu ly hôn anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh H không có mặt tại Toà án để giải quyết nhưng anh H đã có ý kiến cũng đồng ý ly hôn chị S.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống hiện tại và tương lai. Nhưng giữa chị S và anh H đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, mỗi người sống một nơi. Do đó hôn nhân giữa chị S và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị S là phù hợp với khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của anh H cũng mong muốn ly hôn với chị S.

Về con chung: Vợ chồng anh chị S anh H có 02 người con chung là Lê Thị Cẩm N sinh năm 1994 và Lê Thị Xuân L sinh năm 1996. Hiện nay các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ: Chị Phạm Thị S và anh Lê Việt H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng: Khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 228; điều 238, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2/ Tuyên xử;

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Cho chị Phạm Thị S được ly hôn với anh Lê Việt H.

- ***Về án phí:*** Chị Phạm Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005659 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

- ***Về quyền kháng cáo:*** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND A;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *UBND xã N, H. Đ;*
- *Lưu HS;*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Lệ Hằng